TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2025.
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vũ Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thế Tự
2. Ông Nguyễn Thành Quyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Công Trận. Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 675/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2025/QĐXX - ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1972; Trú tại: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có mặt

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn N, sinh năm: 1977; Trú tại: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 10/10/2024 và trong quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Văn N sống chung như vợ chồng vào năm 1991 có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 xảy ra mâu thuẫn do tính tình không còn hòa hợp thường xuyên cãi nhau do ông Nguyên có tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nhiều lần gia đình có khuyên ngăn nhưng vẫn không thay đổi, mâu thuẫn trầm trọng và không thể hàn gắn được nên ly thân từ năm 2017 đến nay. Do mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn N, không công nhận ông, bà là vợ chồng.

Về con chung có 04 con chung gồm: Phan Văn T; giới tính: Nam; sinh ngày 19/6/1992; Phan Thị T, giới tính: Nữ; sinh ngày 08/9/1994; Phan Thị Huỳnh N; giới tính: Nữ; sinh ngày 08/11/1995; Phan Văn Minh T, giới tính: Nam, sinh ngày 01/01/2000 các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng sống chung có phần đất thửa số 28, tờ bản đồ số 10, diện tích 6.763,2m^2, loại đất trồng cây hằng năm khác do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hậu Giang cấp ngày 19/7/2022, số vào sổ CS 03075 phần đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ). Trên đất có căn nhà cấp 4 chiều ngang 4,5 mét, dài khoảng 20 mét. Theo mảnh trích đo địa chính số 77/CHK, ngày 22/4/2025 của Công ty cổ phần thiết kế xây dựng CHK Việt Nam phần đất tranh chấp có diện tích là 6.850.7m^2. Đối với tài sản trên bà yêu cầu chia đôi và lấy giá trị tiền. Trước khi mở phiên toà bà Điệp rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình tố tụng ông Phan Văn N trình bày*:* Ông thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị Đ về quan hệ hôn nhân, về thời gian chung sống và không có đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vào năm 2017 ông có quen bạn khác giới bên ngoài nên vợ chồng xảy ra cự cãi và cả 02 sống ly thân. Nay bà Điệp yêu cầu xin ly hôn ông đồng ý ly hôn

Về con chung: Về con chung có 04 con chung gồm: Phan Văn T; Phan Thị T; Phan Thị Huỳnh N; Phan Văn Minh T các con chung đã trưởng thành không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng sống chung có phần đất sau khi đo đạc thực tế theo mảnh trích đo địa chính số 77/CHK, ngày 22/4/2025 của Công ty cổ phần thiết kế xây dựng CHK Việt Nam phần đất tranh chấp có diện tích là 6.850.7m^2. Trước khi mở phiên toà bà Điệp rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết. Nên vợ chồng tự thoả thuận.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp

dụng các Điều 9, Điều 51 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Văn N là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành không xem xét;

Về tài sản chung: Trước khi mở phiên toà bà Điệp rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Điệp.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị không xem xét.

Về chi phí tố tụng và án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Phan Văn N có đăng ký thường trú tại: xã Tân Phước Hưng, thành phố Cần Thơ. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 13 - Cần Thơ.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trước khi mở phiên tòa ông Phan Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt ông Nguyên theo quy định pháp luật.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Văn N tự tìm hiểu, có tình cảm với nhau và tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn theo đơn xác nhận ngày 08/02/2022 nên hôn nhân của ông, bà là không hợp pháp và không được pháp luật thừa nhận.

[4]. Xét về yêu cầu xin ly hôn của bà Điệp, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình chung sống, ông, bà có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng ý kiến nhau trong nhiều quan điểm sống ông Nguyên thừa nhận có mối quan hệ khác bên ngoài và ông bà tự sống ly thân từ tháng 8/2017 đến nay, tự ai người đó sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông, bà thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng và đều đồng ý ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Điệp và ông Nguyên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Điệp xin ly hôn với ông Nguyên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, hôn nhân giữa bà Điệp, ông Nguyên không đăng ký kết hôn nên khi có yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Khoản 2, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình, không công nhận bà Điệp, ông Nguyên là quan hệ vợ chồng.

[5]. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét.

[6] .Về tài sản chung: Vợ chồng sống chung có tài sản chung gồm: Phần đất sau khi đo đạc thực tế theo mảnh trích đo địa chính số 77/CHK, ngày 22/4/2025 của Công ty cổ phần thiết kế xây dựng CHK Việt Nam phần đất tranh chấp có diện tích là 6.850.7m^2. Trước khi mở phiên toà bà Điệp rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu Toà án giải quyết nên đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung. Dành quyền khởi kiện chia tài sản chung cho các đương sự khi có yêu cầu.

[7]. Về nợ chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

[8]. Về chi phí tố tụng: Gồm đo đạc, thẩm định, lược đồ, định giá: Bà Nguyễn Thị Đ tạm ứng với số tiền 14.150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ, Bà Điệp đã thực hiện xong.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; Điều 35; Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Điều 217, Điều 218; Điều 227 và Điều 228; Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 14; Điều 51; Điều 53; khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Văn N.

2. Về con chung: Các con chung đã trưởng thành không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

4. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Đ và ông Phan Văn N.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

6. Về chi phí tố tụng: Gồm đo đạc, thẩm định, lược đồ, định giá: Bà Nguyễn Thị Đ tạm ứng với số tiền 14.150.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện chịu toàn bộ, bà Điệp đã thực hiện xong.

7. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 300.000^đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo biên lai thu số 0007320 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13 - Cần Thơ) thành án phí. Số tiền còn lại 9.700.000đ (Chín triệu bảy trăm ngàn đồng) bà Nguyễn Thị Đ được nhận lại tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 13 - Cần Thơ.

8. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi cư trú.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV 13- Cần Thơ;
- PTHADS KV 13- Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Phước Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Vũ Tiên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

TÒA

Phan Công Điện **Nguyễn Thế Tự** **Lê Thị Vũ Tiên**